

Bản án số: 43/2023/KDTM-PT

Ngày: 23 - 5 - 2023

V/v: “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng dự án đầu tư; Hợp đồng chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền dự án; Hủy quyết định cá biệt”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Huy Cầu

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Bà Phạm Thị Duyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yến – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thành Đạt – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 71/2022/TLPT-KDTM ngày 22 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng dự án đầu tư; Hợp đồng chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền dự án; Hủy quyết định cá biệt”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 02/2022/KDTM-ST ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 68/2023/QĐ-PT ngày 12 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Huh Moon S, sinh năm 1959 (vắng mặt);

Địa chỉ thường trú: Hàn Quốc;

Địa chỉ tạm trú: Thôn N, xã L, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc O, sinh năm 1985 (vắng mặt);

Địa chỉ thường trú: Số 540A, tổ 20, ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang;

Địa chỉ cư trú hiện nay: Chung cư T, đường N, phường Đ, Quận X12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đoàn Hữu S1, sinh năm 1991 (có mặt);

Địa chỉ: Số 16, đường số 2, khu phố H, phường T, Quận x7, thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* M (Hàn Quốc);

Địa chỉ: Hàn Quốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Minh T2, sinh năm 1984 (vắng mặt);

Địa chỉ: 17 N, phường x13, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Bùi Gia N3, sinh năm 1976 (có mặt);

Địa chỉ: Số 455 Quốc lộ 14, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên E;

Địa chỉ: Thôn N, xã L, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thùy L4, sinh năm 1982 (có mặt);

Địa chỉ: số 16, đường số x2, khu Phố H, phường T, Quận x7, Thành phố Hồ Chí Minh

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước (xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Đường 6/1, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước;

Địa chỉ: Quốc lộ 14, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Duy H5 – Trưởng phòng Đăng ký kinh doanh (có mặt);

Địa chỉ: Quốc lộ 14, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước

3. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước;

Địa chỉ: Quốc lộ 14, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn H6 – giám đốc Sở Tài nguyên và

Môi trường tỉnh Bình Phước (xin xét xử vắng mặt).

4. E1 (Hàn Quốc);

Địa chỉ: Hàn Quốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đoàn Hữu S1, sinh năm 1991 (có mặt);

Địa chỉ: Số 16, đường số 2, khu phố H, phường T, Quận x7, thành phố Hồ Chí Minh

5. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M1;

Địa chỉ: Thôn N, xã L, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Gia N3, sinh năm: 1976 (có mặt);

Địa chỉ: Số 455 Quốc lộ 14, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước

7. Văn phòng công chứng B6 (xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

8. Phòng công chứng số X1 tỉnh Bình Phước (vắng mặt);

Địa chỉ: Đường N, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Huh Moon S, bà Nguyễn Thị Ngọc O (có ông Đoàn Hữu S1 là đại diện theo ủy quyền); Bị đơn M (có ông Bùi Gia N3 là đại diện theo ủy quyền); Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên E (có bà Nguyễn Thùy L4 là đại diện theo ủy quyền).

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - ông Đoàn Hữu S1 trình bày:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn (TNHH) M là Công ty 100% vốn Việt Nam được thành lập ngày 02/10/2015 do Phòng Đăng ký kinh doanh (Phòng ĐKKD) Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước (Sở KHĐT) cấp, mã số doanh nghiệp: 3801109251, có địa chỉ trụ sở tại thôn N, xã L, thị xã P, tỉnh Bình Phước, gồm hai thành viên sáng lập: Bà Nguyễn Thị Ngọc O (người khởi kiện); bà Võ Thị Thanh K (thành viên đã chuyển nhượng vốn góp).

Đến đầu năm 2017, bà K chuyển nhượng 01% vốn góp của mình cho bà Nguyễn Thị Ngọc O và 49% vốn góp còn lại cho ông Huh Moon S, nhà đầu tư cá nhân mang quốc tịch Hàn Quốc. Vì vậy, lúc này Công ty có tỷ lệ phần vốn góp như sau: Ông Huh Moon S chiếm 49% vốn điều lệ Công ty và bà O chiếm 51% vốn điều lệ Công ty.

Trong giai đoạn từ 2015 đến nay, ông Huh Moon S và bà O (là vợ chồng), đã cùng nhau đầu tư và xây dựng Nhà máy sản xuất dầu điều thành phẩm. Trước tiên, ngày 10/11/2015, Công ty TNHH M đã nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất (QSDĐ) và công trình nhà kho trên thửa đất số 04, tờ bản đồ số 07 tại xã L, thị xã P, tỉnh Bình Phước của Công ty TNHH Một thành viên (MTV) Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)(Tài sản này đã được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở (QSHNƠ) và tài sản gắn liền với đất số: CD739504 ngày 30/3/2016).

Thực hiện dự án, căn cứ quy định pháp luật tại thời điểm đó, ông Huh Moon S và bà O đã đăng ký đầu tư dự án Nhà máy sản xuất dầu điều trên khu đất và nhà kho của Công ty. Ngày 02/11/2016, Công ty TNHH M đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước (UBND tỉnh) chấp thuận đầu tư dự án bằng Quyết định chủ trương đầu tư số 2824/QĐ-UBND.

Đến năm 2018, sau một thời gian đi vào hoạt động, Nhà máy gặp nhiều khó khăn về mặt tài chính cũng như việc xuất khẩu hàng hóa, ông Huh Moon S là người Hàn Quốc nên đã tìm kiếm một số đối tác phía bên Hàn Quốc để kêu gọi đầu tư vốn, nhằm phát triển dự án trên, trong đó có M (Hàn Quốc) đã ngõ ý muốn đầu tư (*Cần nói rõ hơn: M là Công ty mà ông Huh Moon S có đầu tư và đóng góp từ những năm 2011 và thời điểm 2018 ông Huh Moon S còn là người đại diện theo pháp luật của M nên nguyên đơn cũng yên tâm*). Theo đó, phía M cam kết sẽ góp thêm vốn để đầu tư phát triển Nhà máy trong tương lai, đồng thời để thuận tiện cho việc xuất khẩu các mặt hàng hành phẩm dầu điều sang thị trường Hàn Quốc và các nước Châu Á khác, do vậy phía M yêu cầu chuyển dự án Nhà máy sản xuất dầu điều của vợ chồng ông Huh Moon S sang cho M đứng tên làm chủ đầu tư trên giấy tờ pháp lý, còn trên thực tế nguyên đơn vẫn trực tiếp quản lý điều hành dự án này.

Khoảng cuối tháng 01 và đầu tháng 02 năm 2018, ông Huh Moon S và bà O đã tiến hành thủ tục để chuyển nhượng dự án Nhà máy sản xuất dầu điều sang cho M. Theo đó, M được UBND tỉnh cấp Quyết định chủ trương đầu tư (điều chỉnh lần 1) số 323/QĐ-UBND ngày 06/02/2018, điều chỉnh nhà đầu tư thực hiện dự án từ Công ty TNHH M sang cho M. Đồng thời, Sở KHĐT cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (ĐKĐT) số 6526986408 cùng ngày để thực hiện dự án Nhà máy sản xuất dầu điều.

Căn cứ vào Giấy chứng nhận ĐKĐT được cấp, M đã tiến hành thành lập pháp nhân để thực hiện dự án đầu tư là Công ty TNHH MTV M Việt Nam và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (ĐKDN) số 3801167013, do Phòng ĐKKD cấp ngày 07/02/2018 theo quy định của pháp luật về đầu tư và đăng ký doanh nghiệp để thực hiện dự án và Công ty này do ông Huh Moon S làm người đại diện pháp luật để đảm bảo quyền quản lý vận hành dự án.

Ngày 20/3/2018, ông Huh Moon S và bà O tiếp tục ký Hợp đồng chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị QSDĐ và tài sản khác gắn liền với đất cho Công ty TNHH MTV M Việt Nam (pháp nhân thực hiện dự án) để thực hiện việc

chuyển QSDĐ mà Công ty TNHH M đang sở hữu/sử dụng với giá là 5.000.000.000 đồng để chuyển tên trên Giấy chứng nhận QSDĐ từ tên Công ty TNHH M sang cho Công ty TNHH MTV M Việt Nam. Ngày 26/3/2018, Văn phòng Đăng ký đất đai đã tiến hành đăng ký cập nhật biến động lên Giấy chứng nhận QSDĐ và QSHNO và tài sản khác gắn liền với đất cho Công ty TNHH MTV M Việt Nam.

Sau đó, ông Huh Moon S và bà O đã tiến hành giải thể Công ty TNHH M do nguyên đơn làm chủ sở hữu và hiện nay đã chấm dứt sự tồn tại trên thực tế và cả về mặt quy định pháp luật. Đồng thời, ông Huh Moon S bắt đầu làm đại diện theo pháp luật cho Công ty TNHH MTV M Việt Nam để quản lý điều hành sản xuất Nhà máy dầu điều đã chuyển nhượng.

Kể từ thời điểm đó đến nay, phía M không chuyển bất kỳ một khoản tiền nào về Việt Nam để thực hiện dự án Nhà máy sản xuất dầu điều gây khó khăn trầm trọng cho Nhà máy, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh nghiêm trọng. Từ khi mới thành lập dự án năm 2016 cho đến nay (bao gồm cả sau ngày chuyển dự án sang đứng tên của M) thì ông Huh Moon S và bà O vẫn là người duy nhất quản lý, điều hành tất cả mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh của Nhà máy. Tất cả chi phí sản xuất, kinh doanh, thuê nhân công, lương và các khoản thu chi khác cũng do ông Huh Moon S và bà O phải tự bỏ tiền thanh toán.

Thực chất, việc chuyển nhượng dự án từ Công ty TNHH M sang cho M là không có thực mà chỉ với mục đích phục vụ cho việc huy động vốn trong tương lai và làm việc với các đối tác tại Hàn Quốc. Toàn bộ chỉ thực hiện trên hình thức và hoàn toàn không thực hiện bất kỳ hoạt động thanh toán nào trên thực tế. Nhưng hiện nay, phía M đã tự ý chấm dứt quyền đại diện theo pháp luật của ông Huh Moon S ở cả hai bên Hàn Quốc và cả Việt Nam nhằm chiếm đoạt dự án Nhà máy sản xuất dầu điều và toàn bộ tài sản ông Huh Moon S và bà O đã gây dựng.

Một lần nữa nguyên đơn khẳng định, Hợp đồng chuyển nhượng và việc chuyển nhượng nêu trên hoàn toàn là giả tạo, bởi năm 2015 tại thời điểm nhận chuyển nhượng tài sản thông qua việc phát mãi của Ngân hàng Sacombank, nguyên đơn đã nhận chuyển nhượng QSDĐ và tài sản với tổng giá trị là 4.050.000.000 đồng để nhận chuyển nhượng giá trị QSDĐ và tài sản nói trên. Sau bao nhiêu năm, đầu tư công sức tiền bạc vào Nhà máy và vốn điều lệ của Công ty ông Huh Moon S và bà O là 15 tỷ đồng đã dồn hết vào đây để thực hiện dự án này. Nên không có lý do gì ông Huh Moon S và bà O chuyển nhượng với giá 5.000.000.000 đồng cho phía nhà đầu tư Hàn Quốc. Đồng thời, thực tế giữa các bên cũng không phát sinh việc thanh toán. Mục đích nguyên đơn thực hiện việc chuyển tên nêu trên xuất phát từ lý do như đã nêu ở trên.

Hiện nay, Công ty TNHH M của nguyên đơn đã giải thể và chấm dứt sự tồn tại, đây là sự thiệt hại vô cùng to lớn của nguyên đơn. Bên cạnh đó, dự án Nhà máy sản xuất dầu điều của ông Huh Moon S và bà O hiện nay cũng bị phía

M sở hữu về mặt giấy tờ, dẫn đến nguy cơ bị mất trắng về tài sản, công sức và cả tâm huyết bao nhiêu năm gầy dựng của nguyên đơn.

Nay bằng đơn này, nguyên đơn khởi kiện M (Hàn Quốc) để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình và yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước giải quyết như sau:

1. Tuyên Hợp đồng chuyển nhượng dự án án đầu tư, Hợp đồng đồng chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị QSDĐ và tài sản gắn liền với đất vô hiệu do vi phạm điều cấm của luật;

2. Hủy Quyết định chủ trương đầu tư số 323/QĐ-UBND ngày 06/02/2018 của UBND tỉnh Bình Phước; Giấy chứng nhận ĐKĐT số 6526986408 cấp ngày 06/02/2018 và Giấy chứng nhận ĐKDN số 3801167013 cấp ngày 07/02/2018 của Sở KHĐT; Giấy chứng nhận QSDĐ, QSHNƠ và tài sản khác gắn liền với đất số hiệu CD 739504 đăng ký biến động ngày 26/03/2018 do Sở TNMT cấp cho Công ty TNHH MTV M Việt Nam.

3. Công nhận quyền sở hữu của nguyên đơn đối với dự án Nhà máy sản xuất dầu điều, phục hồi lại Quyết định chủ trương đầu tư số 2824/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bình Phước về việc chấp thuận chủ trương cho ông Huh Moon S và bà O thực hiện dự án. Ông Huh Moon S và bà O được quyền liên hệ với UBND tỉnh, cơ quan đăng ký đầu tư, cơ quan đăng ký doanh nghiệp, Văn phòng Đăng ký đất đai để thực hiện thủ tục cấp lại các Quyết định và Giấy chứng nhận nêu trên theo quy định.

Người đại diện theo ủy quyền lại của bị đơn M và đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH MTV M Việt Nam - ông Bùi Gia N3 trình bày:

1. Về việc thành lập M và mối quan hệ giữa ông Huh Moon S, bà Nguyễn Thị Ngọc O với M:

M được thành lập vào ngày 09/11/2011 tại Hàn Quốc, gồm 05 thành viên sáng lập và đồng sở hữu gồm: Ông Kim Tae G (góp 4% cổ phần), ông Yeou Yeung H (góp 26% cổ phần), ông Huh Moon S (góp 25% cổ phần), ông Park Jeong S1 (góp 20% cổ phần), ông Na H8 (góp 25% cổ phần); mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập: 418-81-37968 do Văn phòng Thuế quận Bukjeonju, Hàn Quốc cấp ngày 09/11/2011; người đại diện theo pháp luật: Ông Yeou Yeung H.

2. Diễn tiến ông Huh Moon S và bà Nguyễn Thị Ngọc O thành lập các công ty tại Việt Nam:

Ngày 02/12/2015, ông Huh Moon S và bà Nguyễn Thị Ngọc O thành lập Công ty TNHH M theo Giấy chứng nhận ĐKDN mã số 3801109251 (đăng ký lần đầu ngày 02/12/2015, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 20/02/2017) tại Sở KHĐT; người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Thị Ngọc O.

Ngày 07/02/2018, Công ty TNHH MTV M Việt Nam được thành lập theo Giấy chứng nhận ĐKDN mã số 3801167013 (đăng ký lần đầu ngày 07/02/2018, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 08/02/2018, đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 06/7/2020); chủ sở hữu: M (Hàn Quốc); người đại diện theo pháp luật đăng ký lần đầu và đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 08/01/2018 là ông Huh Moon S; người đại diện theo pháp luật đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 06/7/2020 là bà Trần Thị Minh T2.

Ngày 22/9/2017, E1 được Sở Thuế Gunsan, Hàn Quốc thành lập mới (có mã số 3638799595) (bị đơn chưa có thông tin xác định ông Huh Moon S có phải là người đại diện theo pháp luật của Công ty này hay không).

Ngày 09/01/2019, Công ty TNHH MTV E được thành lập theo Giấy chứng nhận ĐKDN mã số 3801193616 (đăng ký lần đầu ngày 09/01/2019, đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 24/01/2019); chủ sở hữu: E1 (Hàn Quốc); người đại diện theo pháp luật là ông Huh Moon S.

3. Về quá trình chuyển tiền đầu tư của M cho ông Huh Moon S, bà Nguyễn Thị Ngọc O để đầu tư Nhà máy sản xuất dầu điều:

Từ năm 2015, ông Yeou Yeung H đại diện cho M (có tài khoản tại Jpmorgan Chase Bank, N.A, Hàn Quốc và Ngân hàng Keb Hana- Chi nhánh TPHCM) đã nhiều lần chuyển tiền cho ông Huh Moon S, bà O (qua Công ty TNHH Mega Bio và Công ty TNHH M) bằng hình thức thanh toán tiền hóa đơn cho Công ty TNHH M (có tài khoản số 700 004 523267 tại Shinhan Bank- Chi nhánh TPHCM) để đầu tư mua 6289,2m² đất và nhà xưởng trên đất và đầu tư máy móc thiết bị sản xuất tinh dầu điều. Từ ngày 17/6/2015 đến ngày 07/3/2018 đã chuyển tổng cộng là 2,688,505.390 USD (Hai triệu sáu trăm tám mươi tám nghìn năm trăm lẻ năm phẩy ba trăm chín mươi đô la Mỹ).

Trong email ngày 30/10/2017 (lúc 20:17 GMT + 09:00) của ông Huh Moon S (huh@live.co.kt) gửi ông Yeou Yeung H kèm theo 04 tệp đính kèm thể hiện ông Huh Moon S, bà O đã chi phí vào mua đất, xây nhà xưởng từ ngày 02/10/2015 đến ngày 28/7/2016 như sau:

- Mua đất xưởng của Sacombank: 6.600.000.000 đồng;
- Đầu tư đường điện: 2.173.500.000 đồng;
- Mua sắm làm bồn: 1.860.520.000 đồng;
- Đồ thí nghiệm, máy lạnh vật dụng: 486.706.000 đồng;
- Mua xe bồn, chi phí làm cà vệt: 1.811.000.000 đồng;
- Làm bồn, đường ống dầu: 1.600.660.000 đồng;
- Phí đường bộ, bảo hiểm, môi trường, thương hiệu, thuế, bảo vệ: 547.406.000 đồng;
- Xăng dầu chuyển: 75.000.000 đồng;

- Phí điện: 24.500.000 đồng;
- Phí dịch vụ xuất khẩu, cước vận chuyển: 370.585.000 đồng;
- Chi phí kiện tụng: 2.200.000.000 đồng;
- Vật liệu xi măng, gạch xây lò: 418.688.000 đồng;
- Túi mềm chứa dầu xuất: 498.144.000 đồng;
- Lương công nhân: 276.000.000 đồng;
- Thiết bị loại bỏ mùi: 390.000.000 đồng;
- Mua dầu thô: 9.305.676.000 đồng;
- Chi phí phòng và ăn: 1.285.280.000 đồng.

Tổng cộng: 36.871.158.000 đồng.

4. Quá trình ông Huh Moon S, bà O lập thủ tục đầu tư, ký các đề nghị thay đổi chủ trương đầu tư và lý do phải ký thay đổi đầu tư và các quyết định của cơ quan, cá nhân có thẩm quyền:

Ngày 02/11/2016, Chủ tịch UBND tỉnh có Quyết định số 2824/QĐ-UBND quyết định chủ trương đầu tư, chấp thuận cho Công ty TNHH M đầu tư Nhà máy sản xuất dầu điều.

Trong quá trình M chuyển tiền cho ông Huh Moon S và bà O thì ông Yeou Yeung Hphát hiện ông Huh Moon S và bà O đã sử dụng một phần tiền vào mục đích khác mà không được sự đồng ý của ông Yeou Yeung H nên đã đề nghị ông Huh Moon S và bà O trả lại tài sản cho chủ sở hữu bằng hình thức chuyển nhượng giá trị đầu tư nhà xưởng từ Công ty TNHH M sang M; đồng thời, yêu cầu ông Huh Moon S phải từ chức quản lý và không được tham gia vào công việc quản lý nội bộ của Công ty. Điều này được ông Huh Moon S, bà O và ông Yeou Yeung H ký Hợp đồng hợp tác ngày 27/10/2017 (có sự chứng kiến của ông Ha ManChoong).

Trên cơ sở Hợp đồng hợp tác, ông Huh Moon S đã ký văn bản đề nghị Sở KHĐT điều chỉnh đầu tư. Đến ngày 06/02/2018, Chủ tịch UBND tỉnh có Quyết định số 323/QĐ-UBND quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư theo Quyết định số 2824. Theo đó, thay đổi nhà đầu tư từ Công ty TNHH M thành M. Tuy nhiên, ông Huh Moon S không thực hiện việc từ chức quản lý Công ty TNHH MTV M Việt Nam theo cam kết trong Hợp đồng hợp tác mà tiếp tục thực hiện các hành vi trái pháp luật bằng cách tự ý thay mặt chủ sở hữu M ký Hợp đồng chuyển nhượng dự án số 01/HĐKT ngày 28/10/2018 cho E1; ký Quyết định số 01/2018/QĐ-Cty ngày 30/10/2018 điều chỉnh nhà đầu tư thực hiện dự án từ M thành E1; ký văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư ngày 01/11/2018. Đến ngày 19/12/2018, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2863/QĐ-UBND điều chỉnh lần 02 đối với Quyết định số 2824. Theo đó, điều chỉnh dự án từ M thành E1.

Do ông Huh Moon S có những hành vi nêu trên nên ngày 05/8/2020, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1802/QĐ-UBND thu hồi Quyết định chủ trương đầu tư số 2863/QĐ-UBND ngày 19/12/2018.

5. Về quá trình ông Huh Moon S, bà O đại diện cho M (bị đơn) giao dịch nhận chuyển nhượng, chuyển nhượng, cấp đổi Giấy chứng nhận QSDĐ đối với QSDĐ và nhà xưởng tại thôn N, xã L, thị xã P, tỉnh Bình Phước:

Ngày 10/11/2015, Công ty TNHH M (đại diện là bà Nguyễn Thị Ngọc O) ký Hợp đồng nhận chuyển nhượng với Công ty TNHH Quản lý nợ và khai thác tài sản- Sacombank Hợp đồng công chứng số 2283 tại Phòng Công chứng số 1 tỉnh Bình Phước. Ngày 30/3/2016, Sở TNMT cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số CD 739504 đứng tên Công ty TNHH M.

Ngày 20/3/2018, Công ty TNHH M (đại diện là bà Nguyễn Thị Ngọc O) ký Hợp đồng chuyển nhượng cho Công ty TNHH MTV M Việt Nam (đại diện là ông Huh Moon S) Hợp đồng công chứng số 1240 tại VPCC B6. Ngày 26/3/2018, Văn phòng Đăng ký đất đai Sở TNMT xác nhận trang 3 Giấy chứng nhận QSDĐ đứng tên Công ty TNHH MTV M Việt Nam.

Ngày 06/02/2020, Công ty TNHH MTV M Việt Nam (đại diện là ông Huh Moon S) ký Hợp đồng chuyển nhượng cho Công ty TNHH MTV E (do bà Nguyễn Thị Ngọc O, chức danh: Nhân viên Công ty, ký ủy quyền thay cho ông Huh Moon S theo Giấy ủy quyền số 01/2019/Ecoa ngày 01/02/2020). Hợp đồng công chứng số 432 tại Phòng Công chứng số 01 tỉnh Bình Phước. Ngày 17/3/2020, Văn phòng Đăng ký đất đai Sở TNMT xác nhận trang 3 Giấy chứng nhận QSDĐ đứng tên Công ty TNHH MTV E.

Ngày 11/3/2020, ông Huh Moon S (đại diện cho Công ty TNHH MTV E) ký đơn đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận QSDĐ số CD 739504. Ngày 01/4/2020, Sở TNMT cấp đổi thành Giấy chứng nhận QSDĐ, QSHNƠ và tài sản khác gắn liền với đất số CT 766621, sổ vào sổ cấp GCN CT 21842.

Từ những vấn đề nêu trên, bị đơn M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH MTV M Việt Nam thấy rằng:

- M gồm 05 thành viên sáng lập, là chủ sở hữu Công ty TNHH MTV M Việt Nam. Ông Huh Moon S không phải là chủ sở hữu, cũng không phải là đại diện cho chủ sở hữu, mà chỉ là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH MTV M Việt Nam (công ty con của chủ sở hữu).

- Toàn bộ tài sản đầu tư mua đất, xây dựng nhà xưởng, máy móc thiết bị, lương công nhân và các chi phí khác của dự án là tiền của M chuyển cho ông Huh Moon S và bà O, nên đây là tài sản của chủ sở hữu chứ không phải của ông Huh Moon S, bà O.

- Ông Huh Moon S, bà O đã thành lập nhiều Công ty với tên gọi giống nhau (Mega Bio, M, M Việt Nam, E) cùng một địa chỉ là thôn N, xã L, thị xã P, tỉnh Bình Phước để dễ gây hiểu nhầm, dễ qua mặt các cơ quan có thẩm quyền

trong việc thẩm định hồ sơ, cũng như muốn chiếm đoạt tài sản của chủ sở hữu M.

- Ông Huh Moon S không có tư cách, thẩm quyền thay mặt chủ sở hữu của Công ty TNHH MTV M Việt Nam ký Hợp đồng chuyển nhượng dự án số 01/HĐKT ngày 28/10/2018; ký Quyết định của chủ sở hữu số 01/2018/QĐ-Cty ngày 30/10/2018; ký các văn bản đề nghị cơ quan có thẩm quyền của tỉnh Bình Phước đề nghị điều chỉnh nhà đầu tư, ký Hợp đồng chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị QSDĐ và tài sản khác gắn liền với đất số công chứng 432 ngày 06/02/2020 tại Phòng Công chứng số 01 tỉnh Bình Phước và ký các văn bản khác có liên quan. Việc ký các văn bản liên quan tới đề nghị thay đổi đầu tư, chuyển quyền về tài sản đối với vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng thửa đất số 04, tờ bản đồ số 07, diện tích 6289,2m² tọa lạc tại thôn N, xã L, thị xã P, tỉnh Bình Phước theo Giấy chứng nhận QSDĐ số CD 739504 ngày 30/3/2016 do Sở TNMT tỉnh cấp (điều chỉnh biên động trang 3 ngày 26/3/2018) là vô hiệu.

Do vậy, bị đơn M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH MTV M Việt Nam không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị Tòa án giải quyết chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn cụ thể như sau:

1. Hủy Giấy chứng nhận QSDĐ, QSHNO và tài sản gắn liền với đất số seri: CT 766621, sổ vào sổ cấp GCN: CT 21842 do Sở TNMT cấp ngày 01/4/2020.

2. Công nhận giá trị quyền sử dụng thửa đất số 04, tờ bản đồ số 07, diện tích 6289,2m², tại thôn N, xã L, thị xã P, tỉnh Bình Phước và tài sản gắn liền với đất là Nhà kho (liệt kê gồm: Cột, kèo, xà gồ bằng thép hình; mái lợp tole; vách tole; nền bê tông được xây dựng trên diện tích 2.565,76m²) theo Giấy chứng nhận QSDĐ, QSHNO và tài sản gắn liền với đất số seri: CT 766621, sổ vào sổ cấp GCN: CT 21842 do Sở TNMT cấp ngày 01/4/2020 và Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ và tài sản gắn liền với đất số công chứng 2283 ngày 10/11/2015 của Phòng Công chứng số 1 tỉnh Bình Phước là của bị đơn theo tinh thần tại Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 05/8/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thu hồi Quyết định chủ trương đầu tư số 2863/QĐ-UBND ngày 19/12/2018.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH MTV E có yêu cầu độc lập trình bày:

Công ty TNHH MTV E được đăng ký thành lập ngày 09/01/2019 xuất phát từ việc chuyển nhượng dự án đầu tư Nhà máy sản xuất dầu điều tại xã L, thị xã P, tỉnh Bình Phước giữa M và E1 (là Công ty sở hữu). Trên cơ sở Quyết định chủ trương đầu tư số 2863/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND tỉnh (điều chỉnh lần 2) điều chỉnh nhà đầu tư thực hiện dự án từ M sang E1 và Giấy chứng nhận ĐKĐT mã số dự án 6526986408 của Sở KHĐT, Công ty TNHH MTV E được chủ đầu tư là E1 thành lập để triển khai thực hiện dự án.

Toàn bộ thủ tục pháp lý theo quy định của pháp luật Việt Nam về việc chuyển nhượng dự án nêu trên là do M và Công ty TNHH MTV M Việt Nam thực hiện từ tháng 10/2018 và hoàn thiện toàn bộ giấy tờ pháp lý vào tháng 01/2019. Từ thời điểm đó đến nay, trên cả hồ sơ pháp lý và thực tế, Công ty TNHH MTV E vẫn đang là pháp nhân hợp pháp duy nhất thực hiện dự án đầu tư của chủ đầu tư là E1.

Ngoài ra, dự án đầu tư Nhà máy sản xuất dầu điều nêu trên là do cá nhân ông Huh Moon S bỏ tiền đầu tư từ năm 2015. Trên thực tế, liên tục từ năm 2015 đến nay, ông Huh Moon S vẫn là chủ sở hữu và là người trực tiếp quản lý và triển khai thực hiện dự án đầu tư. Việc thay đổi chủ đầu tư dự án vào cuối năm 2018 đã được M và E1 thống nhất và không hề có tranh chấp trong suốt gần 02 năm kể từ ngày hoàn thành thủ tục pháp lý theo quy định.

Đề nghị Tòa án chấp nhận đơn yêu cầu độc lập của Công ty TNHH MTV E cụ thể như sau:

1. Hủy Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 05/8/2020 của UBND tỉnh Bình Phước về việc thu hồi Quyết định chủ trương đầu tư số 2863/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND tỉnh, chấp thuận cho nhà đầu tư M điều chỉnh lần 02 dự án đầu tư Nhà máy sản xuất dầu điều. Công nhận Giấy chứng nhận ĐKĐT, mã số dự án: 6526986408, chứng nhận lần đầu ngày 06/02/2018, chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 04/01/2019 cho nhà đầu tư E1;

2. Công nhận cho Công ty TNHH MTV E giá trị quyền sử dụng thửa đất số 04, tờ bản đồ số 07, diện tích 6.289,2m² tại xã L, thị xã L, thị xã P, tỉnh Bình Phước và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận QSDĐ, QSHNO và tài sản gắn liền với đất số seri: CT 766621, số vào sổ cấp GCN: CT 21842 do Sở TNMT tỉnh Bình Phước cấp ngày 01/4/2020.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cùng ý kiến trình bày:

Thực hiện các văn bản, thông báo của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước về việc giao nộp tài liệu, chứng cứ; UBND tỉnh, Sở KHĐT có ý kiến như sau:

I. Về trình tự thủ tục, căn cứ pháp lý quyết định chủ trương đầu tư; cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

1. Đối với Công ty TNHH M

1.1. Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận ĐKKD cho Công ty TNHH M (doanh nghiệp trong nước, không có yếu tố nước ngoài, hiện nay công ty đã giải thể).

a) Về trình tự thủ tục (loại hình pháp lý, Công ty TNHH 2 thành viên trở lên): gồm: (1) Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp; (2) Danh sách thành viên; (3) Điều lệ Công ty (phải có họ, tên và chữ ký của các thành viên công ty); (4) Bản sao hợp lệ các giấy tờ sau đây:

+ Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân quy định tại Điều 10 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP (cụ thể: Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực);

b) Về căn cứ pháp lý: Quy định tại Điều 22 Luật Doanh nghiệp và Điều 22 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 về đăng ký doanh nghiệp.

c) Kết quả: Phòng ĐKKD đã cấp Giấy chứng nhận ĐKDN, mã số doanh nghiệp: 3801109251, ngày 02/10/2015 cho Công ty TNHH M; gồm 02 thành viên là bà Nguyễn Thị Ngọc O (50% vốn điều lệ, là người đại diện pháp luật) và bà Võ Thị Thanh K (50% vốn điều lệ).

1.2. Hồ sơ Quyết định chủ trương đầu tư, cấp Giấy chứng nhận ĐKĐT cho Công ty TNHH M.

a) Về thành phần hồ sơ và trình tự thủ tục: Tại Khoản 1, Điều 32 Luật Đầu tư quy định: UBND tỉnh Quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án được Nhà nước giao đất, cho thuê đất không qua đấu giá, đấu thầu hoặc nhận chuyển nhượng; dự án có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất. Công ty TNHH M đã nhận chuyển nhượng QSDĐ và tài sản gắn liền với đất của Công ty Quản lý nợ và khai thác tài sản của Sacombank, được Sở TNMT cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số CT 06405 ngày 30/3/2016; mục đích sử dụng là đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp, trên đất đã chứng nhận tài sản là 01 nhà kho chứa hàng nông sản. Do vậy, khi chuyển sang thực hiện dự án Nhà máy sản xuất dầu điều phải thực hiện thủ tục Quyết định chủ trương đầu tư theo quy định.

- Thành phần hồ sơ của Công ty TNHH M nộp gồm: Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư; đề xuất dự án đầu tư; bản sao Giấy chứng nhận ĐKDN số 3801109251 cấp thay đổi lần thứ 1 ngày 08/4/2016; Giấy chứng nhận QSDĐ số CT06405 ngày 30/3/2016; Quyết định số 162/QĐ-STNMT ngày 30/3/2016 của Sở TNMT về việc thu hồi Giấy chứng nhận QSDĐ (cũ), cấp đổi Giấy chứng nhận QSDĐ, QSHNƠ và tài sản khác gắn liền với đất cho Công ty TNHH M để xây dựng nhà kho chứa hàng nông sản.

- Về trình tự, thủ tục Quyết định chủ trương đầu tư: Sau khi nhận được hồ sơ của Nhà đầu tư, Sở KHĐT chủ trì phối hợp cùng các đơn vị liên quan khảo sát thực địa vị trí nhà đầu tư đề xuất thực hiện dự án và lập biên bản khảo sát. Sau khi khảo sát các đơn vị có ý kiến góp ý bằng văn bản gửi về Sở KHĐT để tổng hợp, thẩm định trình UBND tỉnh xem xét, quyết định chủ trương đầu tư.

- Về trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận ĐKĐT: Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản Quyết định chủ trương đầu tư, Sở KHĐT cấp Giấy chứng nhận ĐKĐT cho nhà đầu tư.

b) Về căn cứ pháp lý: (1) Khoản 1, Điều 32, Điều 33, Điều 37 Luật Đầu tư; (2) hồ sơ Quyết định chủ trương đầu tư do nhà đầu tư nộp; (3) kết quả khảo sát vị trí và ý kiến của các đơn vị có liên quan.

c) Kết quả: UBND tỉnh đã Quyết định chủ trương đầu tư số 2824/QĐ-UBND ngày 02/11/2016; Sở KHĐT cấp Giấy chứng nhận ĐKĐT số 5754203534 ngày 03/11/2016 cho Công ty TNHH M thực hiện dự án đầu tư.

2. Đối với Công ty TNHH MTV M Việt Nam

2.1. Hồ sơ điều chỉnh Quyết định chủ trương đầu tư, cấp Giấy chứng nhận ĐKĐT cho M.

Tháng 12/2017, Công ty TNHH M nộp hồ sơ đề nghị điều chỉnh, chuyển nhượng dự án đầu tư cho Nhà đầu tư M.

a) Về thành phần hồ sơ và trình tự thủ tục:

- Thành phần hồ sơ Công ty TNHH M nộp gồm: Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư; báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư; biên bản họp của Hội đồng thành viên về việc chuyển nhượng dự án; Quyết định của Hội đồng thành viên về việc chuyển nhượng dự án; văn bản thỏa thuận chuyển nhượng dự án; Giấy chứng nhận ĐKDN của Công ty TNHH M và M.

- Về trình tự, thủ tục điều chỉnh Quyết định chủ trương đầu tư: Sau khi nhận được hồ sơ của Nhà đầu tư, Sở KHĐT đã gửi đến các đơn vị liên quan lấy ý kiến về nội dung nhà đầu tư đề nghị điều chỉnh. Sau khi nhận được ý kiến góp ý bằng văn của các đơn vị. Sở KHĐT tổng hợp, thẩm định trình UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư.

b) Về căn cứ pháp lý: (1) Điều 40, 45 Luật Đầu tư; (2) hồ sơ điều chỉnh Quyết định chủ trương đầu tư do nhà đầu tư nộp; (3) ý kiến của các đơn vị có liên quan.

c) Kết quả: UBND tỉnh đã ban hành Quyết định chủ trương đầu tư (điều chỉnh lần 1) số 323/QĐ-UBND ngày 06/02/2018; Sở KHĐT cấp Giấy chứng nhận ĐKĐT 6526986408 ngày 06/02/2018 điều chỉnh chủ đầu tư thực hiện dự án từ Công ty TNHH M sang M.

2.2. Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận ĐKKD cho Công ty TNHH MTV M Việt Nam.

Sau khi được UBND tỉnh Quyết định chủ trương đầu tư (điều chỉnh lần 1) số 323/QĐ-UBND ngày 06/02/2018, được Sở KHĐT cấp Giấy chứng nhận ĐKĐT 6526986408 ngày 06/02/2018. Nhà đầu tư M thành lập Công ty TNHH MTV M Việt Nam để thực hiện dự án và được Phòng ĐKKD cấp Giấy chứng nhận ĐKDN số 3801167013 đăng ký lần đầu ngày 07/02/2018, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 08/02/2018 (Chủ sở hữu là M, người đại diện theo pháp luật là ông Huh Moon S).

a) Về trình tự thủ tục: Theo quy định về thành phần hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đối với Công ty TNHH Một thành viên có 100% vốn nước ngoài đã được công bố, bao gồm: (1) Điều lệ Công ty (phải có họ, tên và chữ ký của chủ sở hữu công ty là cá nhân hoặc người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu công

ty là tổ chức); (2) Danh sách người đại diện theo ủy quyền và Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân quy định tại Điều 10 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP của từng đại diện theo ủy quyền; (3) Bản sao hợp lệ các giấy tờ sau đây:

- + Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực;

- + Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận ĐKDN hoặc giấy tờ tương đương khác, Điều lệ hoặc tài liệu tương đương khác của chủ sở hữu công ty đối với trường hợp chủ sở hữu công ty là tổ chức (trừ trường hợp chủ sở hữu công ty là Nhà nước);

- + Giấy chứng nhận ĐKĐT đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.

b) Về căn cứ pháp lý: Quy định tại Điều 22 Luật Doanh nghiệp và Điều 23 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 về đăng ký doanh nghiệp.

3. Đối với Công ty TNHH MTV E

3.1. Hồ sơ điều chỉnh Quyết định chủ trương đầu tư, cấp Giấy chứng nhận ĐKĐT cho E1.

Đến tháng 11/2018, Công ty TNHH MTV M Việt Nam nộp hồ sơ đề nghị điều chỉnh, chuyển nhượng dự án đầu tư từ M sang E1.

a) Về thành phần hồ sơ và trình tự thủ tục:

- Thành phần hồ sơ Công ty TNHH MTV M Việt Nam nộp gồm: Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư; báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư; Quyết định của nước chủ sở hữu (M) do ông Huh Moon S ký, nhưng đóng dấu của Công ty TNHH MTV M Việt Nam; Hợp đồng chuyển nhượng dự án giữa M và E1; Giấy chứng nhận ĐKDN của M và E1.

- Về trình tự, thủ tục điều chỉnh Quyết định chủ trương đầu tư: Sau khi nhận được hồ sơ của Nhà đầu tư, Sở KHĐT đã gửi đến các đơn vị liên quan lấy ý kiến về nội dung nhà đầu tư đề nghị điều chỉnh. Sau khi nhận được ý kiến góp ý bằng văn của các đơn vị, Sở KHĐT tổng hợp, thẩm định trình UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư.

b) Về căn cứ pháp lý: (1) Điều 40, 45 Luật Đầu tư; (2) hồ sơ điều chỉnh Quyết định chủ trương đầu tư do nhà đầu tư nộp; (3) ý kiến của các đơn vị có liên quan.

c) Kết quả: UBND tỉnh đã ban hành Quyết định chủ trương đầu tư (điều chỉnh lần 2) số 2863/QĐ-UBND ngày 19/12/2018; Sở KHĐT cấp Giấy chứng nhận ĐKĐT số 6526986408 (điều chỉnh lần thứ nhất) ngày 04/01/2019 điều chỉnh chủ đầu tư thực hiện dự án từ M sang E1.

3.2. Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận ĐKKD cho Công ty TNHH MTV E.

Sau khi được UBND tỉnh Quyết định chủ trương đầu tư (điều chỉnh lần 2) số 2863/QĐ-UBND ngày 19/12/2018; được Sở KHĐT cấp Giấy chứng nhận ĐKKD số 6526986408 (điều chỉnh lần 1) ngày 04/01/2019. Nhà đầu tư E1 thành lập Công ty TNHH MTV E (chủ sở hữu là E1, người đại diện theo pháp luật là ông Huh Moon S) để triển khai dự án.

a) Về trình tự thủ tục: Theo quy định về thành phần hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đối với Công ty TNHH Một thành viên có 100% vốn nước ngoài đã được công bố, bao gồm: (1) Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp; (2) Điều lệ Công ty (phải có họ, tên và chữ ký của chủ sở hữu công ty là cá nhân hoặc người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu công ty là tổ chức); (3) Danh sách người đại diện theo ủy quyền và Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân quy định tại Điều 10 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP của từng đại diện theo ủy quyền; (4). Bản sao hợp lệ các giấy tờ sau đây:

+ Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực);

+ Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận ĐKDN hoặc giấy tờ tương đương khác, Điều lệ hoặc tài liệu tương đương khác của chủ sở hữu công ty đối với trường hợp chủ sở hữu công ty là tổ chức (trừ trường hợp chủ sở hữu công ty là Nhà nước);

+ Giấy chứng nhận ĐKKD đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.

b) Về căn cứ pháp lý: Quy định tại Điều 22 Luật Doanh nghiệp và Điều 23 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 về đăng ký doanh nghiệp.

II. Về trình tự thủ tục và căn cứ pháp lý chuyển nhượng dự án

1. Trình tự, thủ tục chuyển nhượng dự án từ Công ty TNHH M sang M và từ M sang E1: Theo nội dung đã nêu tại Mục 2.1 và 3.1 Phần I.

2. Việc chuyển nhượng dự án có bắt buộc phải có văn bản thống nhất ý kiến của các cổ đông sáng lập của các pháp nhân hay không?

a) Đối với hồ sơ Chuyển nhượng dự án từ Công ty TNHH M sang M.

Tại điểm c, Khoản 2, Điều 40 của Luật Đầu tư quy định thành phần hồ sơ điều chỉnh dự án đầu tư (áp dụng chung cho trường hợp chuyển nhượng dự án) phải có Quyết định về việc điều chỉnh dự án của nhà đầu tư.

Tại Mẫu số 1.6 “Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư” ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ KHĐT quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam quy định:

Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư gồm: Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên/...chủ sở hữu của Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư hoặc văn bản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Thời điểm nộp hồ sơ điều chỉnh, chuyển nhượng dự án đầu tư, Công ty TNHH M có 02 thành viên gồm bà Nguyễn Thị Ngọc O và ông Huh Moon S. Do vậy, theo quy định hồ sơ điều chỉnh dự án đầu tư phải có biên bản họp Hội đồng thành viên và Quyết định của Hội đồng thành viên về việc điều chỉnh dự án đầu tư. Trong hồ sơ chuyển nhượng dự án từ Công ty TNHH M sang M đã có đầy đủ các loại giấy tờ trên theo quy định.

b) Đối với hồ sơ chuyển nhượng dự án từ M sang E1. Theo quy định tại Mẫu số I.6 “Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư” ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ KHĐT; đối với hồ sơ đăng ký điều chỉnh dự án đầu tư của Công ty TNHH MTV thì phải có Quyết định chủ sở hữu của tổ chức thực hiện dự án đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư. Tại Giấy chứng nhận ĐKKD của M (do Hàn Quốc cấp) thể hiện họ tên người đại diện là ông Huh Moon S, tại mục người cùng kinh doanh thể hiện không có nội dung tương ứng. Như vậy, không xác định M có các cổ đông sáng lập khác. Trong hồ sơ điều chỉnh, chuyển nhượng dự án đầu tư từ M sang E1 có kèm theo Quyết định của Chủ sở hữu của tổ chức thực hiện dự án là M do ông Huh Moon S đại diện chủ sở hữu ký tên nhưng đóng nhầm con dấu của Công ty TNHH MTV M Việt Nam (Công ty được chủ sở hữu là M Co., Ltd thành lập để triển khai dự án).

Tại Phần cuối của các biểu mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ KHĐT quy định: Nhà đầu tư ký tên, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có). Theo quy định nêu trên, việc đóng dấu không phải là điều kiện bắt buộc.

III. Căn cứ để UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 05/8/2020 về việc thu hồi Quyết định chủ trương đầu tư số 2863/QĐ-UBND ngày 19/12/2018

Ngày 30/7/2020, Sở KHĐT nhận được đơn phản ánh của Công ty TNHH MTV M Việt Nam về việc ông Huh Moon S tự ý chuyển nhượng dự án đầu tư Nhà máy sản xuất dầu điều tại xã L, thị xã P sang chủ đầu tư E1 nhưng chưa được sự chấp thuận của chủ sở hữu là M (Hàn Quốc).

Qua rà soát toàn bộ hồ sơ điều chỉnh Quyết định chủ trương đầu tư số 2863/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 (điều chỉnh lần thứ 2) của UBND tỉnh thì thành phần hồ sơ đảm bảo theo quy định pháp luật: Trước khi tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh Quyết định chủ trương đầu tư, Sở KHĐT đã gửi hồ sơ lấy ý kiến và được sự thống nhất của Sở TNMT, Cục Thuế, UBND thị xã P.

Tuy nhiên, tại Hợp đồng chuyển nhượng dự án đầu tư và Quyết định của chủ sở hữu là M do ông Huh Moon S (đại diện chủ sở hữu) ký, thay vì đóng dấu

của M (chủ sở hữu) hoặc không cần đóng dấu, nhưng ông Huh Moon S lại đóng dấu của Công ty TNHH MTV M Việt Nam (Công ty được thành lập tại Việt Nam để triển khai dự án). Nhận thấy có sự nhầm lẫn trong việc sử dụng con dấu, kèm theo nội dung kiến nghị ngăn chặn việc chuyển QSDĐ và nhà xưởng dự án của Công ty TNHH MTV M Việt Nam, Sở KHĐT đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 05/8/2020 thu hồi Quyết định chủ trương đầu tư số 2863/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND tỉnh (điều chỉnh lần 2) chuyển đổi nhà đầu tư thực hiện dự án Nhà máy chế biến dầu điều tại xã L, thị xã P từ M sang chủ đầu tư E1.

Việc tham mưu thu hồi là có cơ sở, nhằm ngăn chặn những tranh chấp phức tạp có thể phát sinh tiếp theo. Việc UBND tỉnh thu hồi trước khi các bên khởi kiện ra Tòa án.

IV. Trên cơ sở quyết định chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận ĐKĐT và Giấy chứng nhận ĐKDN đã cấp đang còn hiệu lực thì hiện nay pháp nhân nào là chủ đầu tư của Nhà máy sản xuất dầu điều tại xã L, thị xã P

Theo quy định về giải quyết tranh chấp trong hoạt động đầu tư kinh doanh (Điều 14 Luật Đầu tư): Tranh chấp giữa các nhà đầu tư trong đó có ít nhất một bên là nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được giải quyết thông qua một trong những cơ quan, tổ chức sau: Tòa án Việt Nam, Trọng tài Việt Nam, Trọng tài nước ngoài, Trọng tài quốc tế, Trọng tài do các bên tranh chấp thỏa thuận thành lập.

Tại Khoản 1 và Khoản 3 Điều 39 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư quy định:

“Khoản 1: Đối với dự án đầu tư phải điều chỉnh theo bản án, quyết định có hiệu lực của Tòa án, Trọng tài thì nhà đầu tư căn cứ bản án, quyết định đó để điều chỉnh, tiếp nhận và tiếp tục triển khai thực hiện dự án đầu tư”.

Khoản 3: Cơ quan đăng ký đầu tư điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ”.

Hiện nay tranh chấp giữa các bên đã được Tòa án nhân dân tỉnh thụ lý, chưa có phán quyết; dự án đầu tư Nhà máy sản xuất dầu điều tại xã L, thị xã P đang hoạt động bình thường; ông Huh Mon Soo đang quản lý, điều hành hoạt động sản xuất. Để không làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh, gây thiệt hại về kinh tế cho nhà đầu tư và ảnh hưởng đến đời sống công nhân; đồng thời, để giữ nguyên hiện trạng, ngăn chặn việc chuyển nhượng tài sản cho bên thứ 3, Sở KHĐT đã có văn bản đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo:

- Sở Tư pháp có văn bản gửi các Phòng Công chứng trên địa bàn tỉnh không công chứng hồ sơ liên quan đến việc chuyển nhượng QSDĐ và tài sản trên đất của Công ty TNHH MTV E tại Giấy chứng nhận QSDĐ số CT21842 do Sở TNMT cấp ngày 01/4/2020;

- Sở TNMT có văn bản chỉ đạo Văn phòng Đăng ký đất đai và các Chi nhánh không tiếp nhận hồ sơ liên quan đến việc chuyển nhượng QSDĐ và tài sản trên đất của Công ty TNHH MTV E tại Giấy chứng nhận QSDĐ số CT21842 do Sở TNMT cấp ngày 01/4/2020 (kể cả trường hợp các bên đã được ký hợp đồng công chứng).

Tuy nhiên, khi đó ông Huh Moon S và bà Nguyễn Thị Ngọc O đã khởi kiện ra Tòa án, do vậy UBND tỉnh không xem xét đề nghị của Sở KHĐT.

Theo Giấy chứng nhận QSDĐ và Giấy ĐKKD được cấp và nội dung trình bày nêu trên thì hiện nay E1 vẫn đang là đơn vị đang quản lý, điều hành hoạt động sản xuất của nhà máy. Sau khi có Quyết định của Tòa án xác định Nhà máy sản xuất dầu điều thuộc về chủ đầu tư nào, Sở KHĐT sẽ tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh Quyết định chủ trương đầu tư theo nội dung phán quyết của Tòa án và theo quy định của Điều 39 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ.

V. Ý kiến, quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Theo tài liệu do Tòa án cung cấp thì hiện nay ông Huh Moon S và bà Nguyễn Thị Ngọc O khởi kiện yêu cầu tuyên Hợp đồng chuyển nhượng dự án đầu tư, Hợp đồng chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị QSDĐ và tài sản gắn liền với đất vô hiệu. Đề nghị hủy Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư số 323/QĐ UBND ngày 03/02/2018 của UBND tỉnh Bình Phước, Giấy chứng nhận ĐKĐT số 6526986408 ngày 06/02/2018, Giấy chứng nhận ĐKDN số 3801167013 đăng ký lần đầu ngày 07/02/2018, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 08/02/2018 và tài sản gắn liền với đất số hiệu CD 739504 đăng ký biến động ngày 26/3/2018 đã cấp cho Công ty TNHH MTV M Việt Nam. Phục hồi lại quyền sử dụng của ông Huh Moon S và bà Nguyễn Thị Ngọc O đối với dự án, phục hồi lại Quyết định chủ trương đầu tư số 2824/QĐ-UBND ngày 02/11/2016 của UBND tỉnh, UBND tỉnh, Sở KHĐT có ý kiến như sau:

1. Quyết định chủ trương đầu tư số 2824/QĐ-UBND ngày 02/11/2016 của UBND tỉnh cấp cho Công ty TNHH M, tuy nhiên hiện nay Công ty này đã giải thể. Vì vậy, việc ông Huh Moon S và bà O yêu cầu phục hồi Quyết định chủ trương đầu tư số 2824/QĐ-UBND ngày 02/11/2016 của UBND tỉnh là không có cơ sở.

2. Về hồ sơ trình tự thủ tục cấp Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư số 323/QĐ UBND ngày 03/02/2018 (điều chỉnh lần 1) của UBND tỉnh Bình Phước; cấp Giấy chứng nhận ĐKĐT số 6526986408 ngày 06/02/2018, Giấy chứng nhận ĐKDN số 3801167013 đăng ký lần đầu ngày 07/02/2018, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 08/02/2018 của Sở KHĐT là căn cứ theo hồ sơ của doanh nghiệp nộp và phù hợp với quy định của pháp luật.

Hiện nay ông Huh Moon S và bà O khởi kiện ra Tòa án nhân dân tỉnh để tranh chấp tài sản, do vậy các bên có nghĩa vụ chứng minh tại Tòa án. Sở KHĐT

sẽ tham mưu UBND tỉnh Quyết định chủ trương cho nhà đầu tư thực hiện dự án theo phán quyết của Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước trình bày:

Ngày 20/3/2018, Sở TNMT nhận được hồ sơ từ Bộ phận một cửa Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh của Công ty TNHH M chuyên nhượng vốn đầu tư là giá trị QSDĐ cho Công ty TNHH MTV M Việt Nam.

Sở TNMT căn cứ vào thành phần hồ sơ theo Bộ thủ tục hành chính số thứ tự 30, phần I, Lĩnh vực đất đai được ban hành tại Quyết định số 1853/QĐ-UBND ngày 01/8/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính và theo quy định tại Điều 13 Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ TNMT quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 thực hiện trình tự, thủ tục đăng ký biến động theo đúng quy định.

Ngày 07/02/2020, Sở TNMT nhận được hồ sơ từ Bộ phận một cửa Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh của Công ty TNHH MTV M Việt Nam chuyên nhượng vốn đầu tư là giá trị QSDĐ cho Công ty TNHH MTV E.

Sở TNMT căn cứ vào thành phần hồ sơ theo Bộ thủ tục hành chính số thứ tự 38, phần I, Lĩnh vực đất đai được ban hành tại quyết định số 1618/QĐ-UBND ngày 02/8/2019 của UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính và theo quy định tại Điều 13 Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ TNMT quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 thực hiện trình tự, thủ tục đăng ký biến động theo đúng quy định.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan E1 (Hàn Quốc) trình bày:

Tháng 11/2018, E1 (Hàn Quốc) đã nhận chuyển nhượng toàn bộ dự án Nhà máy sản xuất dầu điều tại xã L, thị xã P, tỉnh Bình Phước từ M. Theo đó, E1 (Hàn Quốc) đã thanh toán và cung cấp các hồ sơ liên quan để bên chuyển nhượng là M thực hiện thủ tục đăng ký chuyển nhượng với Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật Việt Nam. Bên chuyển nhượng đã hoàn tất hồ sơ điều chỉnh và được cấp Quyết định chủ trương đầu tư số 2863/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND tỉnh (điều chỉnh lần 2) theo đúng trình tự, quy định về pháp luật đầu tư quy định tại Điều 40, 45 Luật Đầu tư năm 2014 và được Sở KHĐT cấp Giấy chứng nhận ĐKĐT, mã số dự án: 6526986408 chứng nhận lần đầu ngày 06/02/2018, chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 04/01/2019. Toàn bộ hồ sơ tài liệu trên đã xác nhận E1 (Hàn Quốc) là chủ đầu tư mới của dự án Nhà máy sản xuất dầu điều tại xã L, thị xã P, tỉnh Bình Phước từ M. Sau đó, để thực hiện dự án đúng theo nội dung đăng ký đầu tư và theo quy định pháp luật, E1 (Hàn Quốc) đã thành lập Công ty TNHH MTV E là Công ty thực hiện dự án

(Giấy chứng nhận ĐKDN số 3801193616, đăng ký lần đầu ngày 09/01/2019, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 24/01/2019 tại Phòng ĐKKD).

Đối với tài sản của dự án là diện tích QSDĐ và nhà xưởng Công ty TNHH MTV M Việt Nam và Công ty TNHH MTV EcoasiaVN đã thực hiện Hợp đồng chuyển nhượng vốn đầu tư ngày 06/02/2020 bao gồm nội dung và hình thức đúng quy định đã được công chứng tại Phòng Công chứng số 1 tỉnh Bình Phước. Sau khi chuyển nhượng, Công ty TNHH MTV E cũng đã hoàn tất thủ tục kê khai thuế, thực hiện chương trình, thủ tục đăng ký biến động theo quy định của pháp luật về đất đai và cũng được Sở TNMT cấp Giấy chứng nhận QSDĐ, QSHNO và tài sản gắn liền với đất số CT766621 ngày 01/4/2020.

Vì vậy, Công ty TNHH MTV E là Công ty thực hiện dự án và sản xuất dầu của nhà đầu tư E1 (Hàn Quốc), là chủ sở hữu hợp pháp đối với tài sản là giá trị quyền sử dụng thửa đất số 04, tờ bản đồ số 07, diện tích 6.289,2m², tại xã L, thị xã P, tỉnh Bình Phước và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận QSDĐ, QSHNO và tài sản gắn liền với đất số CT766621, sổ vào sổ cấp GCN: CT21842 do Sở TNMT cấp ngày 01/4/2020.

Bên cạnh đó, từ khi nhận chuyển nhượng dự án đến nay, Công ty TNHH MTV E là người sử dụng, quản lý tài sản và dự án vẫn đang tiếp tục hoạt động hiệu quả, giải quyết việc làm cho lao động địa phương. Do đó, việc UBND tỉnh ra Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 05/8/2020 về việc thu hồi Quyết định chủ trương đầu tư số 2863/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 dự án đầu tư Nhà máy sản xuất dầu điều của Công ty TNHH MTV E là không có căn cứ, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH MTV E trong suốt thời gian vừa qua.

Vì vậy, bằng văn bản này đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo yêu cầu độc lập của Công ty TNHH MTV E, giải quyết vụ án theo hướng: Hủy Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 05/8/2020 của UBND tỉnh Bình Phước về việc thu hồi Quyết định chủ trương đầu tư số 2863/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND tỉnh chấp thuận cho nhà đầu tư M điều chỉnh lần 02 dự án đầu tư Nhà máy sản xuất dầu điều. Công nhận E1 (Hàn Quốc) là chủ đầu tư của Dự án Nhà máy sản xuất dầu điều tại xã L, thị xã P, tỉnh Bình Phước; công nhận E1 (Hàn Quốc) với pháp nhân thực hiện dự án là Công ty TNHH MTV E có quyền sử dụng thửa đất số 04, tờ bản đồ số 06, diện tích 6.289,2m², tại xã L, thị xã P, tỉnh Bình Phước và chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận QSDĐ, QSHNO và tài sản gắn liền với đất số CT766621, sổ vào sổ cấp GCN: CT21842 do Sở TNMT cấp ngày 01/4/2020.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng công chứng B6 trình bày:

Ngày 20/3/2018, giữa Công ty TNHH M và Công ty TNHH MTV M Việt Nam có nhu cầu chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị QSDĐ và tài sản gắn liền với đất được chứng nhận công chứng số 1240 quyền số 01/2018/TP/CC-SCC-HĐGD tại Văn phòng công chứng (VPCC) B6, tỉnh Bình Phước. Về trình tự

pháp lý và các thủ tục tuân thủ đúng theo quy định pháp luật về Luật Công chứng. Tại thời điểm công chứng đối tượng giao dịch không bị ngăn chặn trên trang thông tin ngăn chặn.

Về việc tham gia phiên Tòa và yêu cầu độc lập: VPCC B6 không có yêu cầu độc lập và xin được vắng mặt tại phiên tòa. Yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phòng Công chứng số X1 tỉnh Bình Phước trình bày:

Phòng công chứng số X1 tỉnh Bình Phước thực hiện việc chứng nhận Văn bản chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị QSDĐ và tài sản gắn liền với đất (số công chứng: 432, quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD) vào ngày 06/02/2020 giữa Công ty TNHH MTV M Việt Nam và Công ty TNHH MTV E (vốn đầu tư là giá trị QSDĐ và tài sản gắn liền với đất căn cứ theo Giấy chứng nhận QSDĐ, QSHNO và tài sản khác gắn liền với đất số CD 739504 tại thửa đất số 04, tờ bản đồ số 07, diện tích 6289,2m² và công trình là nhà kho có diện tích 2.565,76m² với giá chuyển nhượng là 3.000.000.000 đồng).

Việc chứng nhận Văn bản chuyển nhượng ngày 06/02/2020 là có cơ sở pháp lý và tuân thủ đúng trình tự, quy định của pháp luật, cụ thể:

- Việc công chứng văn bản thực hiện đúng thẩm quyền công chứng theo quy định tại Điều 42 Luật Công chứng.

- Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được nhận chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị QSDĐ theo Điều 169 Luật Đất đai 2013.

- Việc công chứng văn bản được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 41 của Luật Công chứng năm 2014 về công chứng hợp đồng, giao dịch do công chứng viên soạn thảo theo đề nghị của người yêu cầu công chứng.

- Các bên tham gia ký kết Văn bản cam đoan những thông tin về nhân thân, về vốn đầu tư... là đúng sự thật, tại thời điểm giao kết, thửa đất và tài sản gắn liền với đất không có tranh chấp.

- Các bên tham gia giao kết giao dịch bằng hành vi của mình xác lập, thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự theo quy định pháp luật và có năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật. Công ty TNHH MTV M Việt Nam do ông Huh Moon S là người đại diện theo pháp luật thực hiện giao dịch (có người phiên dịch theo quy định). Công ty TNHH MTV E do bà Nguyễn Thị Ngọc O đại diện theo ủy quyền, được thực hiện giao dịch dân sự theo ủy quyền tại Giấy ủy quyền số 01/2019/ECO A ngày 01/02/2020 cụ thể “được thay mặt Công ty ký tất cả các văn bản, giấy tờ liên quan đến việc nhận chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận số CD 739504, được sử dụng con dấu của Công ty để thực hiện công việc ủy quyền”.

Tại thời điểm công chứng Văn bản chuyển nhượng ngày 06/02/2020, Phòng công chứng số 1 tỉnh Bình Phước đã thực hiện việc kiểm tra thông tin

ngăn chặn và không nhận được văn bản hay quyết định ngăn chặn nào của cơ quan có thẩm quyền đối với tài sản chuyển nhượng nêu trên.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 02/2022/KDTM-ST ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước đã quyết định như sau:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huh Moon S, bà Nguyễn Thị Ngọc O về:

(1) Yêu cầu tuyên bố Văn bản chuyển nhượng dự án án đầu tư ngày 25/12/2017 giữa Công ty TNHH M và M; Văn bản đồng chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa Công ty TNHH M và Công ty TNHH một thành viên M Việt Nam, được Văn phòng công chứng B6 công chứng số 1240 ngày 20/3/2018 vô hiệu;

(2) Hủy Quyết định chủ trương đầu tư (điều chỉnh lần 1) số 323/QĐ-UBND ngày 06/02/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 6526986408 cấp ngày 06/02/2018 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3801167013 cấp ngày 07/02/2018 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số hiệu CD 739504 đăng ký biến động ngày 26/3/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp cho Công ty TNHH một thành viên M Việt Nam;

(3) Công nhận quyền sở hữu của ông Huh Moon S, bà Nguyễn Thị Ngọc O đối với dự án Nhà máy sản xuất dầu điều; phục hồi lại Quyết định chủ trương đầu tư số 2824/QĐ-UBND ngày 02/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước về việc chấp thuận chủ trương cho Công ty TNHH M đầu tư dự án Nhà máy sản xuất dầu điều. Ông Huh Moon S và bà Nguyễn Thị Ngọc O được quyền liên hệ với Ủy ban nhân dân tỉnh, cơ quan đăng ký đầu tư, cơ quan đăng ký doanh nghiệp, Văn phòng Đăng ký đất đai để thực hiện thủ tục cấp lại các Quyết định và Giấy chứng nhận nêu trên theo quy định pháp luật.

2. Không xem xét giải quyết đối với Quyết định số 2863/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước về chủ trương đầu tư (điều chỉnh lần 2) theo yêu cầu bổ sung của bị đơn M.

3. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn M về:

(1) Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng dự án đầu tư số 01/HĐKT ngày 28/10/2018 giữa M và E1; Văn bản chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa Công ty TNHH M và Công ty TNHH một thành viên E, được Phòng công chứng số 1 tỉnh Bình Phước công chứng số 432 ngày 06/02/2020 vô hiệu.

Về xử lý hậu quả của giao dịch vô hiệu:

- Không xem xét xử lý hậu quả của Hợp đồng chuyển nhượng dự án đầu tư số 01/HĐKT ngày 28/10/2018 giữa M và E1 vô hiệu do các đương sự không yêu cầu;

- Đối với hậu quả của Văn bản chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa Công ty TNHH M và Công ty TNHH một thành viên E, được Phòng công chứng số 1 tỉnh Bình Phước công chứng số 432 ngày 06/02/2020 vô hiệu: Buộc M có nghĩa vụ hoàn trả cho E1 giá trị chuyển nhượng vốn đầu tư và giá trị tài sản chênh lệch tổng cộng là 6.747.811.500 đồng (Sáu tỷ bảy trăm bốn mươi bảy triệu tám trăm mười một nghìn năm trăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn thi hành án của bên được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

(2) Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số seri: CT 766621, số vào sổ cấp GCN: CT 21842 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 01/4/2020 cho Công ty TNHH một thành viên E.

(3) Công nhận giá trị quyền sử dụng thửa đất số 04, tờ bản đồ số 07, diện tích 6289,2m², tại thôn N, xã L, thị xã P, tỉnh Bình Phước và tài sản gắn liền với đất là Nhà kho (liệt kê gồm: Cột, kèo, xà gồ bằng thép hình; mái lợp tole; vách tole; nền bê tông được xây dựng trên diện tích 2.565,76m²) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số seri: CT 766621, số vào sổ cấp GCN: CT 21842 do Sở TNMT cấp ngày 01/4/2020 là của M.

4. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH một thành viên E về:

(1) Hủy Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 05/8/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước về việc thu hồi Quyết định chủ trương đầu tư (điều chỉnh lần 2) số 2863/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước; Quyết định số 1358/QĐ-SKHĐT-ĐKKD ngày 07/8/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước về việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 6526986408 cấp thay đổi lần thứ nhất ngày 04/01/2019 cho dự án Nhà máy sản xuất dầu điều tại xã L, thị xã P, tỉnh Bình Phước; chuyển đổi nhà đầu tư từ M sang E1;

(2) Công nhận Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án: 6526986408, chứng nhận lần đầu ngày 06/02/2018, chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 04/01/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp cho nhà đầu tư E1;

(3) Công nhận cho Công ty TNHH một thành viên E giá trị quyền sử dụng thửa đất số 04, tờ bản đồ số 07, diện tích 6.289,2m² tại xã L, thị xã L, thị xã P, tỉnh Bình Phước và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số seri: CT 766621, sổ vào sổ cấp GCN: CT 21842 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 01/4/2020 cho Công ty TNHH một thành viên E.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm,

- Ngày 04/10/2022 nguyên đơn ông Huh Moon S và bà Nguyễn Thị Ngọc O (có ông Đoàn Hữu S1 là đại diện theo ủy quyền) kháng cáo, đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Ngày 30/9/2022 bị đơn M (có ông Bùi Gia N3 là đại diện theo ủy quyền) kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

- Ngày 06/10/2022 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH Một thành viên E kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

- Ngày 10/10/2022 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước có quyết định số 05/QĐ-VKS-DS kháng nghị toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Huh Moon S, bà Nguyễn Thị Ngọc O (có ông Đoàn Hữu S1 là đại diện theo ủy quyền) xin rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo; Bị đơn M (có ông Bùi Gia N3 là đại diện theo ủy quyền); Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH MTV E (có bà Nguyễn Thùy L4 là đại diện theo ủy quyền) và E1 (có ông Đoàn Hữu S1 là đại diện theo ủy quyền) giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh rút toàn bộ quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước.

Trong phần tranh luận:

Ông N3 trình bày ý kiến tranh luận: Bị đơn chỉ kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, về việc bản án sơ thẩm buộc bị đơn phải hoàn trả số tiền 6.747.811.500 đồng cho E1. Vì việc chuyển nhượng vốn đầu tư, giá trị quyền sử dụng đất theo văn bản năm 2018 và 06/02/2020 là ký kết không đúng thẩm quyền và M không có lỗi, do ông Huh Moon S tự mình ký kết làm mất đi giá trị quyền sử dụng đất cho M. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng M không phải trả cho E1 số tiền 6.747.811.500 đồng.

Ông S1 trình bày ý kiến tranh luận: Bị đơn kháng cáo phần xử lý vô hiệu của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, vì cho rằng khi ký hợp đồng Văn phòng công chứng đã kiểm tra, đương sự đã đóng thuế. Bị đơn đang nhằm lẫn giữa hợp đồng chuyển nhượng dự án và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Vấn đề thẩm quyền ký kết là chuyển nhượng dự án, còn nếu chuyển nhượng tài sản là chuyển nhượng giữa M1 và E. M phải có nghĩa vụ báo cáo cho

cơ quan có thẩm quyền về việc thay đổi người đại diện nếu có, trong trường hợp này tại thời điểm ký hợp đồng thì trên giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ông Huh Moon S vẫn là đại diện pháp luật của M, nên việc cập nhật của Sở kế hoạch đầu tư là đúng.

Đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Căn cứ vào Điều 41 Luật Đầu tư thì các quyết định cá biệt mà Sở Kế hoạch đầu tư ban hành không thuộc trường hợp quy định, thực tế dự án vẫn đang hoạt động. Trình tự thủ tục ban hành quyết định không đúng. Tại cấp sơ thẩm, đại diện Sở Kế hoạch đầu tư trình bày: Căn cứ vào khoản 2 Điều 41 Luật Đầu tư cho rằng hợp đồng chuyển nhượng là do đóng nhầm con dấu, nếu trường hợp hồ sơ không chính xác thì Sở phải yêu cầu người nộp hồ sơ điều chỉnh, nếu không điều chỉnh thì trả hồ sơ, nếu đã cấp giấy chứng nhận thì phải hủy giấy chứng nhận đó. Do vậy, việc Ủy ban nhân dân ra các quyết định là không đúng do không có sự giả mạo, sai phạm trong hồ sơ.

- E là công ty 100% vốn Hàn Quốc nhận chuyển nhượng dự án từ M theo quy định pháp luật, đã được Sở Tài nguyên và môi trường cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, từ năm 2018 đến nay E là chủ sở hữu hợp pháp của quyền sử dụng đất nói trên

Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, công nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Ông H5 trình bày ý kiến tranh luận: Trên cơ sở giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thì Sở Kế hoạch và đầu tư ghi nhận trên giấy chứng nhận đầu tư, các văn bản Sở Kế hoạch và đầu tư đã khẳng định việc cấp giấy chứng nhận đầu tư là phù hợp quy định pháp luật, chỉ có lỗi là không nhìn ra con dấu đóng nhầm, trong quy định biểu mẫu thông tư không có quy định bắt buộc phải có con dấu, đây là tranh chấp tài sản nên Sở Kế hoạch và đầu tư không có trách nhiệm giải quyết tranh chấp này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nêu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Vụ án từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý đến khi xét xử đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã rút quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước, nguyên đơn đã rút kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút kháng cáo, kháng nghị và đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu này.

Đối với yêu cầu kháng cáo của E: Theo quy định pháp luật thì nhà đầu tư phải chịu trách nhiệm về tính trung thực của hồ sơ, do ông Huh Moon S đã vi phạm nên Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định thu hồi chủ trương đầu tư,

giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đăng ký lần 1 chuyển đổi chủ đầu tư là có căn cứ phù hợp quy định pháp luật.

E cho rằng Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh vi phạm nghĩa vụ thông báo vì việc đóng dấu mộc sai là nhầm lẫn, không phải là giả mạo hồ sơ, sau khi có phản ánh của Mega thì cơ quan có thẩm quyền rà soát và ban hành quyết định thu hồi là có căn cứ. Do đó việc chuyển nhượng dự án không làm phát sinh quyền lợi của E. Ủy ban nhân dân tỉnh xác định dự án chưa chấm dứt hoạt động, do yêu cầu phản tố được chấp nhận nên yêu cầu độc lập là không có cơ sở chấp nhận.

Đối với kháng cáo của bị đơn: Văn bản chuyển nhượng vốn ngày 06/02/2020 thì giá trị chuyển nhượng 3 tỷ đồng, chứng thư thẩm định thì giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất là 10 tỷ đồng, chênh lệch là 7 tỷ đồng, lỗi vô hiệu là hợp đồng chuyển nhượng 2018 vô hiệu, nhưng phương thức thanh toán là tiền mặt, công ty E không đưa được chứng cứ chứng minh việc thanh toán nên không có nghĩa vụ hoàn trả. Do vậy, việc bản án sơ thẩm buộc bị đơn hoàn trả số tiền 6.747.811.500 đồng là không có căn cứ.

Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn, không chấp nhận kháng cáo của E; Sửa bản án sơ thẩm theo nội dung nhận định nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Huh Moon S, bà Nguyễn Thị Ngọc O (có ông Đoàn Hữu S1 là đại diện theo ủy quyền); Bị đơn M (có ông Bùi Gia N3 là đại diện theo ủy quyền); Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên E (có bà Nguyễn Thùy L4 là đại diện theo ủy quyền); Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước trong hạn nên hợp lệ.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Huh Moon S, bà Nguyễn Thị Ngọc O (có ông Đoàn Hữu S1 là đại diện theo ủy quyền) đã tự nguyện xin rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh rút toàn bộ quyết định kháng nghị số 05/QĐ-VKS-DS ngày 10/10/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước. Căn cứ Điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các yêu cầu kháng cáo, kháng nghị nêu trên.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn M:

[3.1] Ngày 25/12/2017 Công ty TNHH M đã chuyển nhượng dự án đầu tư Nhà máy sản xuất dầu điều cho M. Ngày 20/3/2018 Công ty TNHH M đã chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất

cho Công ty TNHH MTV M Việt Nam (là doanh nghiệp do M thành lập), được Văn phòng công chứng B6 công chứng số 1240.

Ngày 28/10/2018, giữa M (do ông Huh Moon S đại diện) và E1 (do ông Huh Moon S đại diện) ký kết Hợp đồng chuyển nhượng dự án số 01/HĐKT về việc chuyển nhượng dự án nêu trên; Ngày 30/10/2018, chủ sở hữu M có Quyết định số 01/2018/QĐ-Cty về việc điều chỉnh nhà đầu tư từ M sang cho E1; Ngày 01/11/2018, M có Báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư và Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư từ M sang cho E1. Trên cơ sở đó, ngày 19/12/2018, Ủy ban nhân dân tỉnh có Quyết định chủ trương đầu tư (điều chỉnh lần 2) số 2863/QĐ-UBND; Sở KHĐT cấp Giấy chứng nhận ĐKĐT (điều chỉnh lần thứ nhất) số 6526986408 ngày 04/01/2019, điều chỉnh nhà đầu tư thực hiện dự án từ M sang E1.

Sau đó, E1 thành lập pháp nhân thực hiện dự án là Công ty TNHH MTV E, được Sở KHĐT cấp Giấy chứng nhận ĐKDN, mã số 3801193616, đăng ký lần đầu ngày 09/01/2019, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 19/3/2020; người đại diện theo pháp luật ông Huh Moon S.

Ngày 06/02/2020, giữa Công ty TNHH MTV M Việt Nam (do ông Huh Moon S đại diện) và Công ty TNHH MTV E (do bà O đại diện) ký kết Văn bản chuyển nhượng vốn đầu tư. Đến ngày 17/3/2020, Sở TNMT cấp Giấy chứng nhận QSDĐ, QSHNO và tài sản gắn liền với đất số: CD 739504, số vào sổ cấp GCN: CT 06405, điều chỉnh biến trang 4 cho Công ty TNHH MTV E. Ngày 01/4/2020, Sở TNMT cấp đổi Giấy chứng nhận QSDĐ, QSHNO và tài sản gắn liền với đất số: CT 766621, số vào sổ cấp GCN: CT 21842 cho Công ty TNHH MTV E.

Xét, về thẩm quyền đại diện cho M trong việc quyết định của chủ sở hữu và ký kết thủ tục, hợp đồng: Tại Giấy chứng nhận toàn bộ hạng mục đăng ký (bao gồm cả những hạng mục nội dung đã mất hiệu lực) của Phòng đăng ký Jeonju, Tòa án địa phương Jeonju cấp cho M (viết tắt là Giấy chứng nhận toàn bộ hạng mục đăng ký) (BL125-132 cũ- 282-289), trong đó sự thay đổi thành viên ban lãnh đạo như sau: Giám đốc đại diện Huh Moon S, nhậm chức ngày 14/11/2017 (đăng ký ngày 14/11/2017), thôi việc ngày 30/4/2018 (đăng ký ngày 05/6/2018); Giám đốc nội bộ Huh Moon S, nhậm chức ngày 31/5/2018 (đăng ký ngày 05/6/2018); Giám đốc đại diện Yeou Yeung H, nhậm chức ngày 31/5/2018 (đăng ký ngày 05/6/2018). Như vậy, kể từ ngày 05/6/2018, ông Huh Moon S không còn là người đại diện của M, mà là ông Yeou Yeung H. Do đó, việc ông Huh Moon S đại diện cho M thực hiện các nội dung trên là không đúng thẩm quyền.

Quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho rằng tại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của M do Trường phòng Thuế Bukjeonju cấp ngày 27/3/2018 thể hiện ông Huh Moon S là người đại diện của M; không có người cùng kinh doanh, nên việc ông Huh Moon S đại diện M chuyển nhượng dự án cho E1 là hợp lệ. Tuy nhiên, Giấy chứng nhận đăng ký

kinh doanh này thực hiện trước thời điểm có sự thay đổi nhân sự lãnh đạo của M vào ngày 31/5/2018 (đăng ký ngày 05/6/2018) như đã nêu trên. Ông Huh Moon S đã biết việc thay đổi nhân sự lãnh đạo này (do người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thừa nhận), nhưng vẫn sử dụng các giấy tờ pháp lý của M đã đăng ký trước đó để làm các thủ tục chuyển nhượng dự án là vi phạm Điều 40, 45 Luật Đầu tư năm 2014; vi phạm nguyên tắc thực hiện thủ tục đầu tư theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư (Nghị định số 118/2015/NĐ-CP). Ngoài ra, nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh có sự ủy quyền (hoặc cử) của chủ sở hữu là M cho ông Huh Moon S được thực hiện các thủ tục này.

Hơn nữa, trong các thủ tục mà ông Huh Moon S giao nộp cho cơ quan đăng ký đầu tư không có bản sao hợp lệ Biên bản họp Hội đồng thành viên M đề quyết định chuyển nhượng dự án (như trường hợp Công ty TNHH M chuyển nhượng dự án thì có Biên bản này) là chưa đầy đủ thủ tục; đồng thời, các thủ tục khác như Quyết định của chủ sở hữu; Báo cáo tình hình thực hiện dự án; Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư đều do ông Huh Moon S thực hiện và sử dụng mộc dấu của Công ty TNHH MTV M Việt Nam để đóng dấu là vi phạm về thể thức, thẩm quyền quy định tại Mẫu số I.6 và I.8 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ KHĐT quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam (Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT), bởi lẽ ra đây là các thủ tục do nhà đầu tư là M thực hiện và sử dụng mộc dấu của M.

Từ nhận định trên xét thấy Hợp đồng chuyển nhượng dự án ngày 28/10/2018 là vô hiệu theo quy định tại Điều 45 Luật Đầu tư năm 2014; các Điều 122, 127 và 128 BLDS năm 2005, nên không làm phát sinh quyền lợi của E1 đối với dự án Nhà máy sản xuất dầu điều nêu trên. Tuy nhiên, các bên không có tranh chấp hay đề nghị xử lý hậu quả của giao dịch vô hiệu, nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét là có căn cứ.

- Đối với Văn bản chuyển nhượng vốn đầu tư ngày 06/02/2020, mặc dù thủ tục có đầy đủ và đã được Phòng công chứng số 1 tỉnh Bình Phước công chứng theo quy định tại Điều 41, 42 Luật Công chứng năm 2014. Tuy nhiên, như nhận định trên, do ông Huh Moon S vi phạm nguyên tắc thực hiện thủ tục đầu tư theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, cũng như Hợp đồng chuyển nhượng dự án ngày 28/10/2018 đã vô hiệu, nên Văn bản chuyển nhượng vốn đầu tư ngày 06/02/2020 cũng vô hiệu.

[3.2] Do ông Huh Moon S vi phạm nguyên tắc thực hiện thủ tục đầu tư nên dẫn đến Hợp đồng chuyển nhượng dự án ngày 28/10/2018 và Văn bản chuyển nhượng vốn đầu tư ngày 06/02/2020 vô hiệu. Do đó, Giấy chứng nhận QSDĐ, QSHNƠ và tài sản gắn liền với đất số: CT 766621, số vào sổ cấp GCN: CT 21842 do Sở TNMT cấp ngày 01/4/2020 cho Công ty TNHH MTV E là không đúng quy định pháp luật.

[3.3] Theo quy định tại Điều 137 BLDS năm 2005 quy định đối với giao dịch dân sự vô hiệu thì các bên hoàn trả những gì đã nhận cho nhau; bên có lỗi phải bồi thường. Theo Văn bản chuyển nhượng vốn đầu tư ngày 06/02/2020 thì giá trị chuyển nhượng là 3.000.000.000 đồng, nhưng theo Chứng thư thẩm định giá số 221405063/MTTN ngày 03/6/2022 của Công ty cổ phần Giám định Thẩm định Sài Gòn- Chi nhánh miền Trung Tây Nguyên xác định giá trị quyền sử dụng thửa đất số 04, tờ bản đồ số 07 và công trình nhà kho gắn liền với đất là 10.495.623.000 đồng, chênh lệch 7.495.623.000 đồng. Về lỗi dẫn đến giao dịch trên vô hiệu không xuất phát từ lỗi chủ quan của các bên tham gia xác lập giao dịch này, mà xuất phát từ việc Hợp đồng chuyển nhượng dự án đầu tư số 01/HĐKT ngày 28/10/2018 vô hiệu nêu kéo theo giao dịch này cũng vô hiệu. Vì vậy, các bên gánh chịu thiệt hại ngang nhau trong trường hợp này. Do các chủ thể ký kết Văn bản chuyển nhượng vốn đầu tư ngày 06/02/2020 là pháp nhân phụ thuộc, nên chủ sở hữu của pháp nhân này (là nhà đầu tư) M phải hoàn trả cho E1 số tiền 3.000.000.000 đồng giá trị hợp đồng và 3.747.811.500 đồng giá trị chênh lệch.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH MTV E:

Theo nguyên tắc thực hiện thủ tục đầu tư quy định tại Điều 6 Nghị định số 118/2015 thì nhà đầu tư chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ đăng ký đầu tư và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Tuy nhiên, do ông Huh Moon S vi phạm nguyên tắc này nên dẫn đến Hợp đồng chuyển nhượng dự án ngày 28/10/2018 và Văn bản chuyển nhượng vốn đầu tư ngày 06/02/2020 vô hiệu. Do đó, việc UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 05/8/2020 về việc thu hồi Quyết định chủ trương đầu tư (điều chỉnh lần 2) số 2863/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND tỉnh; Sở KHĐT ban hành Quyết định số 1358/QĐ-SKHĐT-ĐKKD ngày 07/8/2020 về việc thu hồi Giấy chứng nhận ĐKĐT số 6526986408 do Sở KHĐT cấp thay đổi lần thứ nhất ngày 04/01/2019 cho dự án Nhà máy sản xuất dầu điều tại xã L, thị xã P; chuyển đổi chủ đầu tư từ M sang E1 là có căn cứ; đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục; thể thức và nội dung phù hợp với quy định tại Điều 7 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP.

Đại diện theo ủy quyền của E1 và Công ty TNHH MTV E cho rằng Sở KHĐT đã vi phạm trách nhiệm thông báo theo khoản 1 Điều 7 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, bởi việc ông Huh Moon S sử dụng mộc dấu của Công ty TNHH MTV M Việt Nam đóng dấu vào thủ tục đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư là sự nhầm lẫn, chứ không phải là hành vi giả tạo hồ sơ. Xét, việc ông Huh Moon S có một trong những hành vi thực hiện hồ sơ làm cho hồ sơ không chính xác theo khoản 1 Điều 7 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, trong khi đó thành phần hồ sơ đầy đủ nên cơ quan đăng ký đầu tư không thể phát hiện ngay được vi phạm này. Cho đến khi Công ty TNHH M Việt Nam có đơn phản ánh, qua rà soát hồ sơ thì cơ quan đăng ký đầu tư mới phát hiện vi phạm nên đã tham mưu UBND tỉnh ra Quyết định số 1802 thu hồi Quyết định chủ trương đầu tư (điều

chỉnh lần 2) số 2863, cũng như Sở KHĐT ra Quyết định số 1358 thu hồi Giấy chứng nhận ĐKĐT điều chỉnh lần thứ nhất ngày 04/01/2019 là phù hợp. Theo đó, nhà đầu tư E1 tự chịu trách nhiệm về những thiệt hại phát sinh từ hành vi vi phạm nêu trên.

Do việc chuyển nhượng dự án đầu tư và vốn đầu tư vô hiệu, không làm phát sinh quyền lợi của E1 và Công ty TNHH MTV E, nên M là nhà đầu tư thực hiện dự án. Quá trình giải quyết vụ án, UBND tỉnh và Sở KHĐT khẳng định chỉ thu hồi Quyết định chủ trương đầu tư (điều chỉnh lần 2) và Giấy chứng nhận ĐKĐT số 6526986408 do Sở KHĐT cấp thay đổi lần thứ nhất ngày 04/01/2019, nhưng dự án đầu tư vẫn chưa chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều 48 Luật Đầu tư năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về việc chấp nhận yêu cầu độc lập của Công ty TNHH MTV E về việc:

- Hủy Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 05/8/2020 của UBND tỉnh Bình Phước về việc thu hồi Quyết định chủ trương đầu tư (điều chỉnh lần 2) số 2863/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND tỉnh, chấp thuận cho nhà đầu tư M điều chỉnh lần 02 dự án đầu tư Nhà máy sản xuất dầu điều;

- Hủy Quyết định số 1358/QĐ-SKHĐT-ĐKKD ngày 07/8/2020 của Sở KHĐT về việc thu hồi Giấy chứng nhận ĐKĐT số 6526986408 của Sở KHĐT cấp thay đổi lần thứ nhất ngày 04/01/2019 cho dự án Nhà máy sản xuất dầu điều tại xã L, thị xã P; chuyển đổi chủ đầu tư từ M sang E1;

- Công nhận Giấy chứng nhận ĐKĐT, mã số dự án: 6526986408, chứng nhận lần đầu ngày 06/02/2018, chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 04/01/2019 do Sở KHĐT cấp cho nhà đầu tư E1;

- Công nhận cho Công ty TNHH MTV E giá trị quyền sử dụng thửa đất số 04, tờ bản đồ số 07, diện tích 6.289,2m² tại xã L, thị xã L, thị xã P, tỉnh Bình Phước và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận QSDĐ, QSHNO và tài sản gắn liền với đất số seri: CT 766621, số vào sổ cấp GCN: CT 21842 do Sở TNMT tỉnh Bình Phước cấp ngày 01/4/2020.

[5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh. Do vậy, Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa; Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên người có kháng cáo phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 289, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự,

I. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Huh Moon S và bà Nguyễn Thị Ngọc O (có ông Đoàn Hữu S1 là đại diện theo ủy quyền), và Quyết định kháng nghị số 05/QĐ-VKS-DS ngày 10/10/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước.

II. Không chấp nhận các kháng cáo của: Bị đơn M (có ông Bùi Gia N3 là đại diện theo ủy quyền); Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH Một thành viên E.

Giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2022/KDTM-ST ngày 26/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Áp dụng Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 122, 127, 129 và 137 Bộ luật Dân sự năm 2005; Các Điều 14, 30, 32, 37, 40, 45, 48 Luật Đầu tư năm 2014; các Điều 6 và 7 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; Mẫu I.6 và I.8 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam; Điều 22 Luật Doanh nghiệp năm 2014; Điều 23 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp; Các Điều 169 và 188 Luật Đất đai năm 2013; Điều 39 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Điều 13 Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Bộ thủ tục hành chính số thứ tự 30, 38, phần I, Lĩnh vực đất đai được ban hành tại Quyết định số 1853/QĐ-UBND ngày 01/8/2017 và Quyết định số 1618/QĐ-UBND ngày 02/8/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước về việc công bố thủ tục hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH13 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huh Moon S, bà Nguyễn Thị Ngọc O về:

(1) Yêu cầu tuyên bố Văn bản chuyển nhượng dự án án đầu tư ngày 25/12/2017 giữa Công ty TNHH M và M; Văn bản đồng chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa Công ty TNHH M và Công ty TNHH một thành viên M Việt Nam, được Văn phòng công chứng B6 công chứng số 1240 ngày 20/3/2018 vô hiệu;

(2) Hủy Quyết định chủ trương đầu tư (điều chỉnh lần 1) số 323/QĐ-UBND ngày 06/02/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 6526986408 cấp ngày 06/02/2018 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3801167013 cấp ngày 07/02/2018 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số hiệu CD 739504 đăng ký biến động ngày 26/3/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp cho Công ty TNHH một thành viên M Việt Nam;

(3) Công nhận quyền sở hữu của ông Huh Moon S, bà Nguyễn Thị Ngọc O đối với dự án Nhà máy sản xuất dầu điều; phục hồi lại Quyết định chủ trương đầu tư số 2824/QĐ-UBND ngày 02/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước về việc chấp thuận chủ trương cho Công ty TNHH M đầu tư dự án Nhà máy sản xuất dầu điều. Ông Huh Moon S và bà Nguyễn Thị Ngọc O được quyền liên hệ với Ủy ban nhân dân tỉnh, cơ quan đăng ký đầu tư, cơ quan đăng ký doanh nghiệp, Văn phòng Đăng ký đất đai để thực hiện thủ tục cấp lại các Quyết định và Giấy chứng nhận nêu trên theo quy định pháp luật.

2. Không xem xét giải quyết đối với Quyết định số 2863/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước về chủ trương đầu tư (điều chỉnh lần 2) theo yêu cầu bổ sung của bị đơn M.

3. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn M về:

(1) Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng dự án đầu tư số 01/HĐKT ngày 28/10/2018 giữa M và E1; Văn bản chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa Công ty TNHH M và Công ty TNHH một thành viên E, được Phòng công chứng số 1 tỉnh Bình Phước công chứng số 432 ngày 06/02/2020 vô hiệu.

Về xử lý hậu quả của giao dịch vô hiệu:

- Không xem xét xử lý hậu quả của Hợp đồng chuyển nhượng dự án đầu tư số 01/HĐKT ngày 28/10/2018 giữa M và E1 vô hiệu do các đương sự không yêu cầu;

- Đối với hậu quả của Văn bản chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa Công ty TNHH M và Công ty TNHH một thành viên E, được Phòng công chứng số 1 tỉnh Bình Phước công chứng số 432 ngày 06/02/2020 vô hiệu: Buộc M có nghĩa vụ hoàn trả cho E1 giá trị chuyển nhượng vốn đầu tư và giá trị tài sản chênh lệch tổng cộng là 6.747.811.500 đồng (Sáu tỷ bảy trăm bốn mươi bảy triệu tám trăm mười một nghìn năm trăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn thi hành án của bên được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

(2) Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số seri: CT 766621, sổ vào sổ cấp GCN: CT 21842 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 01/4/2020 cho Công ty TNHH một thành viên E.

(3) Công nhận giá trị quyền sử dụng thửa đất số 04, tờ bản đồ số 07, diện tích 6289,2m², tại thôn N, xã L, thị xã P, tỉnh Bình Phước và tài sản gắn liền với đất là Nhà kho (liệt kê gồm: Cột, kèo, xà gồ bằng thép hình; mái lợp tole; vách tole; nền bê tông được xây dựng trên diện tích 2.565,76m²) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số seri: CT 766621, sổ vào sổ cấp GCN: CT 21842 do Sở TNMT cấp ngày 01/4/2020 là của M.

4. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH một thành viên E về:

(1) Hủy Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 05/8/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước về việc thu hồi Quyết định chủ trương đầu tư (điều chỉnh lần 2) số 2863/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước; Quyết định số 1358/QĐ-SKHĐT-ĐKKD ngày 07/8/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước về việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 6526986408 cấp thay đổi lần thứ nhất ngày 04/01/2019 cho dự án Nhà máy sản xuất dầu điều tại xã L, thị xã P, tỉnh Bình Phước; chuyển đổi nhà đầu tư từ M sang E1;

(2) Công nhận Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án: 6526986408, chứng nhận lần đầu ngày 06/02/2018, chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 04/01/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp cho nhà đầu tư E1;

(3) Công nhận cho Công ty TNHH một thành viên E giá trị quyền sử dụng thửa đất số 04, tờ bản đồ số 07, diện tích 6.289,2m² tại xã L, thị xã L, thị xã P, tỉnh Bình Phước và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số seri: CT 766621, sổ vào sổ cấp GCN: CT 21842 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 01/4/2020 cho Công ty TNHH một thành viên E.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

II. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Huh Moon S và bà Nguyễn Thị Ngọc O (có ông Đỗ Hữu Sơn là đại diện theo ủy quyền); Bị đơn M (có ông Bùi Gia N3 là đại diện theo ủy quyền); Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH Một thành viên E, mỗi đương sự phải chịu 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), được trừ vào 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) tạm ứng án phí theo các biên lai thu số 0019851, 0019852, 0019850 cùng ngày 13/10/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Phước.

Hoàn trả cho nguyên đơn ông Huh Moon S và bà Nguyễn Thị Ngọc O (có ông Đỗ Hữu Sơn là đại diện theo ủy quyền); Bị đơn M (có ông Bùi Gia N3 là đại diện theo ủy quyền); Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH Một thành viên E mỗi đương sự 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), tạm ứng án phí theo các biên lai thu số 0019851, 0019852, 0019850 cùng ngày 13/10/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Phước.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Cục THADS tỉnh Bình Phước;
- ND (2);
- BD (1);
- NLQ (8);
- Lưu (10) 26b (Án TTKY).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Huy Cầu